TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-05-2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoành;

Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1987 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 04-03-2021).

Địa chỉ: Ấp Số X, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh S, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Mây D, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 08-01-2021 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều M trình bày:

Chị và anh Võ Thanh S cưới nhau và đến ngày 25-03-2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, nay là thị trấn Hưng L, hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, sau

khi ly thân không còn quan tâm nhau. Do hôn nhân không hạnh phúc, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Võ Thanh H, sinh ngày 25-10-2014 hiện sống với chị, chị xin được nuôi con, yêu cầu anh S cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Thanh S vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn với anh S, lý do ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung giao cho chị M được quyền nuôi dưỡng con chung, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định; tài sản chung và nợ chung không xem xét do chị M và anh S không có ý kiến yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M yêu cầu ly hôn với anh S. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị M đã được triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh S và chị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 25-03-2008 anh S và chị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, nay là thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tự nguyện, được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Sau ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng.

[3] Theo biên xác minh ngày 07-04-2021 của Tòa án đối với bà Trần Thị H mẹ ruột của anh S, bà H xác nhận thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án bà đều nhận và có thông báo lại cho anh S biết nhưng anh S không đồng ý đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng anh S vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị M. Mặt khác, thời gian vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay, mạnh người nào chỉ biết bổn phận của người đó,

không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị M xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy Trích lục khai sinh số 534/TLKS-BS, ngày 07-11-2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của chị M; giữa anh S và chị M có một con chung tên Võ Thanh H, sinh ngày 25-10-2014 hiện đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo mức quy định của pháp luật, còn anh S không có ý kiến phản hồi, xét yêu cầu của chị M là phù hợp nhằm bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" nên buộc anh S cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị M là người yêu cầu xin ly hôn nên chị M phải chịu án phí 300.000 đồng và anh S là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều M được ly hôn với anh Võ Thanh S.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Kiều M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thanh H, sinh ngày 25-10-2014 đến khi con đủ 18

tuổi. Anh Võ Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Võ Thanh H mỗi tháng cấp dưỡng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 11-05-2021.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008243 ngày 08-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, chị M nộp đủ án phí. Anh Võ Thanh S chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị Kiều M và anh Võ Thanh S đều vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn Hưng L;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam